

Bản án số: **13** /2020/HS-ST
Ngày 09-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Ngải và bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vừ Văn L** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 05/3/1990 tại tỉnh C;

Nơi cư trú: Thôn Nà Nôm, Xã H, huyện B, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ A Hàu (đã chết) và bà Đào Thị L, sinh năm 1956; Vợ: Lầu Thị D, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Họ và tên: **Sùng S P** (tên gọi khác: Sùng Văn P); sinh ngày 09/02/1978 tại huyện M, tỉnh H;

Nơi cư trú: Thôn Xín Phìn Chư, xã T, huyện M, tỉnh H;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Mí Vư và bà Chá Thị Mỹ (đều đã chết); Vợ: Lầu Thị S1, sinh năm 1985; Con: Có 07 con, lớn sinh năm 2002; nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị cáo đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khởi tố điều tra về tội Mua bán người, quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Ma Ngọc Khanh - Luật sư Văn phòng luật sư Ngọc Khanh - Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

* *Bị hại:* Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1986, (vắng mặt tại địa phương);

Đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990; có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Quân, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Bà Hà Minh Phương - Luật sư Văn phòng luật sư Minh Phúc - Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lầu Thị D, sinh năm 1991; có mặt;

Địa chỉ: Thôn Nà Nôm, Xã H, huyện B, tỉnh C;

* *Người làm chứng:*

1. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1995; có mặt;

Địa chỉ: Thôn Quân, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Lầu Thị V, sinh năm 1992; có mặt;

Địa chỉ: Thôn Khuân Nà, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người phiên dịch:* Ông Giàng Hòa Thắng; sinh năm 1984; có mặt;

Nghề nghiệp: Cán bộ UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn Nặm Pồ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, trong thời gian làm thuê tại Trung Quốc, Vũ Văn L, cư trú tại thôn Nà Nôm, Xã H, huyện B, tỉnh C có gặp và quen Lầu Thị S1, cư trú tại thôn Xín Phìn Chư, xã T, huyện M, tỉnh H. Sau khi về Việt Nam, L gặp lại Lầu Thị S1 và Sùng S P (là chồng của S1) tại huyện M, tỉnh H. S1 mời L về nhà chơi, tại nhà S1 trong quá trình nói chuyện, S1 bảo L tìm phụ nữ Việt Nam đưa lên cho vợ chồng S1 bán sang Trung Quốc làm vợ, S1 sẽ trả tiền cho L, P có dặn L “*làm thì cứ từ từ thôi*” ý nói với L là phải cẩn thận, L nhất trí đi về.

Khoảng tháng 8/2019, L xin được số điện thoại của chị Hoàng Thị S, sinh năm 1986, cư trú tại thôn Quân, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thông qua Hoàng Văn Vàng, trú tại thôn Cốc Páp, xã T, huyện B, tỉnh C (Vàng không biết việc L xin số điện thoại của S để lừa đem bán). Sau đó, L gọi điện cho chị S làm quen và giới thiệu tên là Đại nhà ở huyện M, tỉnh H. L chủ động gọi điện và sau nhiều lần gọi điện thì đặt vấn đề yêu S và muốn lấy S làm vợ, S bảo L phải gặp mặt nhau và đến nhà chị S để nói chuyện. Đồng thời, L gọi điện cho S1 thông báo là đang tìm phụ nữ đưa lên cho S1, S1 bảo L “*lúc nào có cứ đưa lên, vợ chồng S1 sẽ đưa sang Trung Quốc bán*”, và cho L số điện thoại của P, dặn nếu không gọi được cho S1 thì gọi cho P. Đầu tháng 9/2019, L gọi điện thoại cho P để hỏi về chỗ mua và giá mua phụ nữ, P bảo L chưa tìm được chỗ mua, nếu tìm được phụ nữ cứ đưa lên để vợ chồng P

đưa sang Trung Quốc xem mặt mới thỏa thuận được giá cả. L gọi điện cho chị S hẹn gặp mặt nói chuyện. Chị S đồng ý chỉ đường cho L, hẹn gặp nhau tại địa điểm gần chợ xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 06/9/2019, L đi xe máy từ nhà đến chợ xã H, khi đến nơi L gọi điện cho S thông báo đã đến. Chị S cùng Ngô Thị M (em dâu S) đi xe mô tô ra gặp L, L mời chị S và chị Minh vào quán gần chợ Hùng Lợi ăn phở nói chuyện. L nói với chị S là L đã kết hôn một lần, nhưng vợ L không có con nên đã ly hôn. Chị S mời L vào nhà chơi nhưng L từ chối với lý do phải về không muộn. Do chị S và chị Minh mời nhiều nên L nhất trí vào nhà chị S. Khi đi đến đoạn đường có suối, thấy nước to, L lấy lý do không mang quần áo, sợ qua suối bị ướt nên từ chối không vào nhà và đi về. Đi được khoảng 20 phút, L gọi điện cho chị S hỏi đã về đến nhà chưa, chị S nói do nước to chưa về được, L quay xe lại đón chị S đi chơi và nói chuyện yêu đương, muốn lấy chị S làm vợ, chị S nhất trí nhận lời yêu L. Đi chơi một lúc, L đưa chị S quay lại suối để chị S đi bộ về, còn L đi xe máy về Cao Bằng.

Sau lần gặp mặt đầu tiên, L thường xuyên gọi điện cho chị S hứa hẹn yêu, sẽ lấy chị S làm vợ. Mấy ngày sau, L gọi điện cho chị S bảo L sẽ sang chơi và hẹn gặp nhau tại suối (đường vào nhà chị S), chị S nhất trí. L đi xe mô tô đến điểm hẹn còn chị S đi cùng chị Lâu Thị V (em họ chị S), trú tại thôn Khuôn Nà, xã T, huyện Y. Khi gặp L, chị S bảo chị Vinh về trước, còn S ngồi nói chuyện với L. L tiếp tục nói với S về việc nếu đồng ý lấy L thì phải cùng L sang Trung Quốc làm thuê, thấy vậy chị S điện thoại cho em trai là Hoàng Văn N, rồi đưa điện thoại cho L nói chuyện với Nó. L nói với N là muốn lấy S làm vợ, N bảo L: “*Muốn lấy chị S thì L phải vào nhà nói chuyện với mẹ và anh em của S*”, sợ bị lộ nên L tắt máy và rủ chị S đi uống nước và lấy lý do là trời sắp tối nên không vào nhà chị S mà phải đi về không muộn, rồi L đưa chị S đến suối để chị S đi bộ về. Còn L đi đến nhà anh Đào Văn Bình - trú tại thôn Làng Nhùng, xã H chơi và ngủ lại (L quen anh Bình khi cùng nhau làm thuê bên Trung Quốc), sáng hôm sau L về Cao Bằng.

Ngày 13/9/2019, chị S nhờ Hoàng Văn Thái (em trai chị S) đưa đến nhà chị Lâu Thị V, trú tại thôn Khuôn Nà, xã T, huyện Y chơi, tối cùng ngày, L gọi điện bảo sẽ xuống đón chị S về làm vợ, S đồng ý và bảo L là S đang ở nhà em gái tại xã T, huyện Y. L gọi điện cho vợ chồng S1 thông báo là đã tìm được phụ nữ và sẽ đưa lên giao cho vợ chồng S1 bán. S1 bàn với L sẽ nói dối chị S, vợ chồng S1 là bố mẹ của L, khi đến biên giới thì S phải đi cùng vợ chồng S1 sang Trung Quốc trước, L sẽ ở lại đi sau vì trên đường đi có đám ma, nếu L đi qua sẽ chết, để chị S tin đi theo vợ chồng S1 sang Trung Quốc, L nhất trí.

Sáng ngày 14/9/2019, L điều khiển xe mô tô biển số 11U1-040.97 (xe do L mua nhưng chưa sang tên đổi chủ) sang xã T, L điện cho chị S hẹn đi ra đường L đón. Chị S rủ chị Vinh cùng đi ra đường nhựa, cách nhà chị Vinh khoảng 200m gặp L. Khi gặp, chị Vinh mời L vào nhà ăn cơm, nhưng L từ chối và chở chị S đi luôn. Trên đường đi chị S bảo L phải đưa chị S về nhà để xin phép bố mẹ, L giả vờ đồng ý đưa chị S đi về hướng xã H, đi một lúc, L dừng xe lại bên đường thuyết phục chị S đi cùng, L bảo chị S là ở quê L mọi người lấy vợ, lấy chồng không phải hỏi ý kiến bố mẹ trước, khi lấy nhau xong rồi mới cho bố mẹ biết. Thấy vậy, Chị S dùng điện thoại di động chụp biển số xe mô tô của L và chụp ảnh L, thấy S chụp ảnh, sợ bị lộ nên L dùng tay che mặt, sau đó chị S gửi ảnh cho chị Vinh và nhất trí đi cùng L. L điều khiển xe mô tô chở chị S lên huyện M, tỉnh H. Trên

đường đi L gọi điện cho S1 thông báo là đang đưa chị S lên, S1 nói cho P biết là L đang đưa người lên cho vợ chồng S1 đem bán sang Trung Quốc, P nhất trí. Sau đó L nhiều lần gọi điện cho S1 bảo S1 tìm nơi bán người và nói chị S mới hơn 20 tuổi chưa có chồng phải bán được từ 12.000NDT đến 13.000NDT. S1 bảo L cứ đưa người lên, vợ chồng S1 sẽ tìm chỗ bán, về giá thì phải xem mặt thì mới biết được. Đồng thời S1 hẹn L đưa chị S đến cột mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc xã T, huyện M, cách nhà S1 khoảng 01km, S1 sẽ đến nhận người. S1 dặn L phải đợi gần sáng, người dân đi chợ nhiều để tránh bị Bộ đội Biên phòng phát hiện, L nhất trí.

Rạng sáng ngày 15/9/2019 L đưa chị S đến cột mốc biên giới và gọi điện cho S1 thông báo là đã đưa người đến nơi. S1 bảo P dậy đưa S1 đi, P điều khiển xe mô tô chở S1 đến cách cột mốc khoảng 50m thì dừng lại, P để xe mô tô ở ven đường rồi cùng S1 đi bộ đến điểm hẹn gặp L và S. Thấy vợ chồng P đến, như đã thống nhất từ trước, L nói với vợ chồng P *“Đây là con dâu của bố mẹ”*, đồng thời giới thiệu với S, S1 và P là bố mẹ của L. Chị S hỏi vợ chồng S1 *“có phải bố mẹ của anh Đại thật không”*, S1 nói *“phải, đây là bố mẹ của Đại”*. Sau đó L bảo chị S đi cùng vợ chồng S1 trước, L sẽ tìm đường khác đi sau vì đoạn đường phía trước có đám ma, nếu đi qua đó L sẽ chết sớm, chị S tin L nói thật nên đã nhất trí đi cùng. P và S1 đưa chị S theo đường rừng vượt biên giới sang Trung Quốc, khi đi được khoảng 01km thì chị S bảo dừng lại chờ L, thấy vậy P nói *“cái thằng Đại này sao lâu thế nhỉ, để tôi quay lại tìm Đại xem thế nào”*, nói xong P quay lại lấy xe mô tô và đi về nhà, còn S1 ở lại đưa chị S đi bán.

Sau khi P và S1 đưa chị S đi, L đi xe mô tô chơi quanh khu vực huyện M, chiều tối cùng ngày, L đến nhà P nghỉ lại để chờ S1 về. Tối hôm đó S1 gọi điện về báo với P và L là chưa bán được S vì chưa có người mua. Sáng ngày 17/9/2019, S1 từ Trung Quốc về báo với L và P là đã bán được S cho một gia đình người Mông bên Trung Quốc với giá 13.000 NDT, S1 đưa cho L 10.000 NDT, còn giữ lại 3.000 NDT. L cầm tiền đi xuống trung tâm huyện M đổi ra tiền Việt Nam được 32.000.000 đồng, L đã sử dụng cá nhân 28.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng, giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Sau khi L đưa chị S đi, hồi 20 giờ ngày 14/9/2019, chị Vinh nhận được ảnh do chị S gửi đến qua Messenger, chị Vinh gọi điện hỏi, thì chị S nói đang đi cùng L. Đến tối không thấy chị S về, gia đình đã gọi điện cho chị S nhiều lần, nhưng không liên lạc được nên đã tổ chức đi tìm nhưng không thấy. Ngày 16/10/2019 anh Hoàng Văn T (em trai chị S) đã có đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y. Hiện chị Hoàng Thị S vẫn ở Trung Quốc chưa về Việt Nam.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P về tội Mua bán người theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P phạm tội “Mua bán người”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm b khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn L); xử phạt bị cáo Vũ Văn L, bị cáo Sùng S P từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/10/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị

cáo không có khả năng về kinh tế.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 592, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với người đại diện của bị hại, bị cáo Sùng S P phải bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 27.060.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Vừ Văn L đã bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 27.060.000 đồng.

Đối với khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị S, tại phiên tòa anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu, truy thu sung vào ngân sách Nhà nước tiền do các bị cáo do phạm tội mà có; trong đó: Bị cáo Vừ Văn L thu lợi bất chính số tiền 34.231.200 VNĐ, tịch thu số tiền 4.000.000 đồng đã bị thu giữ, truy thu của bị cáo L 30.231.000 đồng; truy thu của bị cáo Sùng S P thu lợi bất chính số tiền 10.269.000 VNĐ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Vừ Văn L gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter RC, biển kiểm soát 11U1-040.97; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe Nông Văn Truyền; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 085305454 mang tên Vừ Văn L, do Công an tỉnh C cấp ngày 10/10/2016.

Trả lại cho bị cáo Sùng S P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu JDODO; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 073044387 mang tên Sùng S P, do Công an tỉnh H cấp ngày 30/7/2014.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng S P do bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; các bị cáo, đại diện bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung vụ án và tội danh Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Trước khi phạm tội, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo; cả hai bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo Vừ Văn L đã bồi thường thiệt hại, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt, xử phạt bị cáo Sùng S P mức án khởi điểm của khung hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Do các bị cáo lừa chị Hoàng Thị S đưa đi bán sang Trung Quốc đến nay chưa về, hiện chưa biết sống chết ra sao; gia đình phải nhờ người đi tìm nhưng không thấy. Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí công

đi tìm chị S là 54.120.000 đồng; tại phiên tòa gia đình bị cáo Vũ Văn L đã bồi thường đủ 27.060.000 đồng, bị cáo Sùng S P phải bồi thường số tiền là 27.060.000 đồng. Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do chị S chưa về nên không yêu cầu giải quyết.

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vũ Văn L ở mức khởi điểm của khung hình phạt, xử phạt bị cáo Sùng S P nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư; kết thúc phần tranh luận, bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện bị hại, những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong 02 ngày 15 và 16/9/2019 Vũ Văn L, trú tại Thôn Nà Nôm, Xã H, huyện B, tỉnh C và Sùng S P, trú tại Thôn Xín Phìn Chur, xã T, huyện M, tỉnh H đã có hành vi lừa chị Hoàng Thị S, sinh năm 1986, trú tại thôn Quân, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bán sang Trung Quốc được 13.000 NDT.

[3] Đánh giá mức độ phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo là xâm phạm quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người nói chung và của phụ nữ nói riêng, hành vi phạm tội của bị cáo được che dấu dưới vỏ bọc tình cảm nam nữ; lợi dụng sự cả tin của bị hại sinh sống ở vùng sâu, vùng xa thiếu hiểu biết để lừa, bán ra nước ngoài nhằm thu lợi bất chính. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P phạm tội Mua bán người theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, nên vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau: Bị cáo Vũ Văn L là người trực tiếp bàn bạc với Lầu Thị S1 tìm phụ nữ Việt Nam đưa lên cho vợ chồng S1 bán sang Trung Quốc làm vợ, S1 sẽ trả tiền cho L, bị cáo trực tiếp liên hệ, tiếp cận người bị hại chị Hoàng Thị S nhắn tin, tán tỉnh hứa lấy làm vợ, rồi lừa chị S đưa đến cột mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc xã T, huyện M, tỉnh H giao cho vợ chồng S1 - P

đưa chị S bán sang Trung Quốc, bị cáo là vai trò chính nên cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo Sùng S P.

Tiếp đến là bị cáo Sùng S P trong khi bị cáo Vũ Văn L và Lâu Thị S1 bàn bạc việc tìm phụ nữ Việt Nam đưa lên cho vợ chồng S1 bán sang Trung Quốc, bị cáo Sùng S P có dặn L “*làm thì cứ từ từ thôi*” ý nói với L là phải cẩn thận; khi bị cáo L đưa chị S đến cột mốc biên giới như đã thống nhất với S1. S1 bảo P dắt đưa S1 đi, P điều khiển xe mô tô chở S1 đến cách cột mốc khoảng 50m thì dừng lại, P để xe mô tô ở ven đường rồi cùng S1 đi bộ đến điểm hẹn gặp L và S. Bị cáo Sùng S P và S1 đưa chị S theo đường rừng vượt biên giới sang Trung Quốc, khi đi được khoảng 01km thì chị S bảo dừng lại chờ L, thấy vậy P nói “*cái thằng Đại này sao lâu thế nhỉ, để tôi quay lại tìm Đại xem thế nào*”, nói xong P quay lại lấy xe mô tô và đi về nhà, mục đích để S1 ở lại đưa chị S đi bán, nên bị cáo Sùng S P là đồng phạm trong vụ án; ngoài ra bị cáo còn bị các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh H khởi tố, truy tố về tội Mua bán người.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trước khi phạm tội, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình các bị cáo là hộ nghèo; cả hai bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo Vũ Văn L đã bồi thường thiệt hại, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định mức án phù hợp pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản, thuộc hộ nghèo, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[6] Về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần xử phạt bị cáo Vũ Văn L mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát; bị cáo Sùng S P xử phạt mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức án cho phù hợp pháp luật; do bị cáo Vũ Văn L thực hiện hành vi phạm tội tích cực, nên không chấp nhận yêu cầu của Luật sư áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P và người đại diện của bị hại anh Hoàng Văn T nhất trí thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại các khoản chi phí, công đi tìm chị Hoàng Thị S tổng cộng số tiền là 54.120.000 đồng, tại phiên tòa gia đình bị cáo Vũ Văn L đã bồi thường đủ số tiền 27.060.000 đồng, bị cáo Sùng S P nhất trí bồi thường số tiền là 27.060.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận giữa các bị cáo Sùng S P và đại diện của bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với các khoản thiệt hại chi phí thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về số tiền bồi thường dân sự.

Ghi nhận bị cáo Vũ Văn L đã bồi thường thiệt hại cho anh Hoàng Văn T số tiền 27.060.000 đồng.

Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị S, do chị S chưa về, anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, truy thu sung vào ngân sách Nhà nước tiền do các bị cáo do phạm tội mà có; trong đó: Bị cáo Vũ Văn L thu lợi bất chính 10.000NDT x 3.423,12 đồng = 34.231.200 VNĐ, tịch thu số tiền 4.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo hiện tạm giữ tại sổ tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang 3949.0.1054495.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang; truy thu của bị cáo L 30.231.000 đồng. Truy thu của bị cáo Sùng S P thu lợi bất chính 3.000NDT x 3.423,12 đồng = 10.269.000 VNĐ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn L gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter RC, màu sơn đen - trắng, biển kiểm soát 11U1-040.97; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000174 mang tên chủ xe Nông Văn Truyền, do Công an huyện Quảng Uyên, tỉnh C cấp; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen đã cũ, trong điện thoại lắp 02 sim; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 085305454 mang tên Vũ Văn L, do Công an tỉnh C cấp ngày 10/10/2016.

Trả lại cho bị cáo Sùng S P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu JDODO, vỏ màu nâu - vàng, bên trong điện thoại không lắp sim, điện thoại đã cũ; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 073044387 mang tên Sùng S P, do Công an tỉnh H cấp ngày 30/7/2014.

[10] Đối với Lâu Thị S1, quá trình điều tra, xác định Lâu Thị S1 không có mặt tại địa phương, nên chưa làm rõ được hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 08/5/2020 để tiếp tục điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn L và Sùng S P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo Sùng S P thuộc hộ nghèo, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng S P theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo, người đại diện của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vừ Văn L, Sùng Sính P (tên gọi khác Sùng Văn P) phạm tội “Mua bán người”.

1. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vừ Văn L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/10/2019).

2. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Sùng Sính P (tên gọi khác Sùng Văn P) 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/10/2019).

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 592, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Sùng S P và anh Hoàng Văn T như sau: Bị cáo Sùng S P phải bồi thường cho người đại diện của bị hại anh Hoàng Văn T số tiền là 27.060.000 đồng (*Hai bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ghi nhận bị cáo Vừ Văn L đã bồi thường cho người đại diện của bị hại anh Hoàng Văn T số tiền là 27.060.000 đồng (*Hai bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Khoản tiền bồi thường, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Hoàng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo Sùng S P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Vừ Văn L số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền do phạm tội mà có, hiện đang tạm giữ tại sổ tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang 3949.0.1054495.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Truy thu của bị cáo Vừ Văn L 30.231.000 đồng (*Ba mươi triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Sùng S P 10.269.000 đồng (*Mười triệu hai trăm sáu chín nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Vừ Văn L gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter RC, màu sơn đen - trắng, biển kiểm soát 11U1 - 040.97; số khung: PB30EY051206, số máy: 1PB3051224; xe có 01 gương chiếu hậu bên trái, phần kính ở mặt nạ xe bị vỡ; chắn bùn phía trước bị vỡ (vết nứt, vỡ kích thước khoảng 10cm x 5cm); yếm trong và yếm ngoài hai bên của xe được ghim lại với nhau bằng nhiều ghim kim loại; ốp sườn

hai bên cửa xe có nhiều vết xây sát, ốp sườn bên phải bị nứt vỡ; giá để chân bên phải được bọc vải màu trắng, quần băng dính phía ngoài; giá để chân bên trái và cần số được bọc nylon màu xanh, quần băng dính phía ngoài; giá buộc hàng ở đuôi xe bị bong tróc sơn; bánh trước và sau xe trong tình trạng không còn hơi. Xe đã qua sử dụng, cũ, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. (không có chìa khóa xe kèm theo); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000174 mang tên chủ xe Nông Văn Truyền, do Công an huyện Quảng Uyên, tỉnh C cấp; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, số IMEI1: 869733037371198; số IMEI2: 869733037371180, màn hình có nhiều vết nứt, vỡ. Trong điện thoại lắp 02 sim, trên sim 1 có dãy số: 8984.04800.00632.15533; trên sim 2 có dãy số: 898402000.10916760143. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 085305454 mang tên Vũ Văn L do Công an tỉnh C cấp ngày 10/10/2016.

Trả lại cho bị cáo Sùng S P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu JDODO, vỏ màu nâu - vàng, số IMEI: 865860020017829, bên trong điện thoại không lắp sim, điện thoại đã cũ; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 073044387 mang tên Sùng S P, do Công an tỉnh H cấp ngày 30/7/2014. *(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 09/6/2020).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Văn L, Sùng S P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ 1.353.000 đồng *(Một triệu ba trăm năm ba nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng S P.

Bị cáo, người đại diện của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/7/2020).

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Đại diện bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Chương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương

Hồ Thanh Sơn

Lương Viết Quang

Nguyễn Thị Kim Thanh

